

Bản án số 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2024

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thế Hạp.

2. Bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXHNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại: Đ, P, Trại giam X, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/7/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Lý Thị P trình bày: Năm 2021, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh T tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 30/7/2021, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do quan điểm sống khác biệt, anh T

nghiện ma túy và đến cuối năm 2022 anh T có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành mức án 14 năm 03 tháng tù tại: Đ, Phân trại số B, Trại giam X, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng hai vợ chồng phải xa nhau nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn T. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc bận rộn nên chị P đề nghị vắng mặt trong phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2024, bị đơn Hoàng Văn T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị P trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội 15, Phân trại số B, Trại giam X, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn T
- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị P phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Lý Thị P yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn T, chị P và anh T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 30/7/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị P và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T nghiện ma túy và đến cuối năm 2022 anh T có hành vi vi phạm pháp luật, hiện nay đang chấp hành mức án 14 năm 03 tháng tù. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2024, anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị P xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng chị P và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Chị Lý Thị P và anh Hoàng Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. *Về con chung*: Đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lý Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002702 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh thu.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lý Thị P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Quang Hán;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lý Thị Hoài

Thành viên Hội đồng xét xử

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên
toà**

Nông Thế Hạp – Mã Thị Huệ

Lý Thị Hoài

